

TÓM TẮT NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG: ĐIỀU LỆ CÔNG TY,
QUY CHẾ NỘI BỘ, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BKS
(kèm theo Tờ trình số 349/TTr-HĐQTCSBR ngày 15/06/2021)

Các căn cứ để sửa đổi Điều lệ, Quy chế:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020 ngày 17/6/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019 ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn Luật chứng khoán và một số điều Luật DN;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn NĐ 155/2020/NĐ-CP. *Thông tư 116/2020 hướng dẫn điều lệ mẫu, quy chế mẫu theo NĐ 155/2020; Luật DN và Luật chứng khoán.*

1/ Điều lệ Công ty: Điều chỉnh, bổ sung theo Điều lệ mẫu quy định kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

Điều lệ cũ hiện hành	Điều lệ mới điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
<u>Điều 1:</u> Giải thích thuật ngữ Không quy định	<u>Điều 1:</u> Giải thích thuật ngữ Bổ sung khái niệm: <ul style="list-style-type: none">- <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ.- <i>Cổ đông</i> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần- <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành- Người có quan hệ gia đình: bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.	Khoản 1, điều 1, Thông tư 116/2020 và khoản 18, điều 4 Luật chứng khoán 2019

	-	
<p>Điều 5: phạm vi KD và hoạt động</p> <p>Khoản 2 quy định: Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 5: phạm vi KD và hoạt động</p> <p>Bỏ khoản 2</p>	điều 5, Thông tư 116/2020
<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>- Khoản 1: Không quy định</p> <p>- Khoản 2: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng</u> có các quyền.</p> <p>- Khoản 2: không quy định.</p> <p>- Khoản 3: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>Quy định bổ sung thêm</p> <p>- Khoản 1:</p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>- Khoản 2: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng</u> có các quyền.</p> <p>- Khoản 2: Bổ sung thêm điểm d.</p> <p>Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>- Khoản 3: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ</p>	<p>Điểm i và l, khoản 1, điều 12, Thông tư 116/2020</p> <p>Khoản 2, điều 115 Luật DN 2020; khoản 2, điều 12, Thông tư 116/2020</p> <p>khoản 3, điều 12, Thông tư 116/2020</p>

<p>nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền đề cử các ứng viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát.</p>	<p>5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền đề cử các ứng viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, Ban kiểm soát.</p>	
<p><u>Điều 13:</u> Nghĩa vụ của cổ đông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không quy định - Không quy định 	<p><u>Điều 13:</u> Nghĩa vụ của cổ đông Quy định thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2: không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. <p>Khoản 5: Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật.</p>	<p>điều 13, Thông tư 116/2020</p>
<p><u>Điều 14</u> Đại hội đồng cổ đông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 quy định: Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, <u>cơ quan đăng ký kinh doanh</u> có thể gia hạn ĐHCĐ. 	<p><u>Điều 14</u> Đại hội đồng cổ đông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 quy định: Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn ĐHCĐ HĐQT quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết. 	<p>Khoản 2, điều 139 Luật DN 2020; khoản 1, điều 14, Thông tư 116/2020</p>
<p><u>Điều 15:</u> Quyền và nhiệm vụ của ĐHCĐ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không quy định - Báo cáo của HĐQT - Báo cáo của Ban Kiểm soát. 	<p><u>Điều 15:</u> Quyền và nhiệm vụ của ĐHCĐ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; - Báo cáo của HĐQT Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT. - Báo cáo của Ban Kiểm soát Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; 	<p>khoản 1, điều 15, Thông tư 116/2020</p> <p>khoản 2, điều 15, Thông tư 116/2020</p>
<p><u>Điều 18:</u> Triệu tập họp Đại hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 quy định danh sách CĐ được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp. 	<p><u>Điều 18:</u> Triệu tập họp Đại hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 quy định danh sách CĐ được lập không sớm hơn 05 ngày danh sách CĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp. Công ty 	<p>Khoản 1, điều 141 Luật DN 2020; khoản 2, điều 18, Thông tư 116/2020</p>

<p>- Khoản 3 quy định thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ là 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.</p>	<p>phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>- Khoản 3 quy định thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ là 15 ngày 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.</p>	<p>Khoản 1, điều 143 Luật DN 2020 khoản 3, điều 18, Thông tư 116/2020</p>
<p><u>Điều 19:</u> Các điều kiện tiến hành ĐH</p> <p>Khoản 1: cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p><u>Điều 19:</u> Các điều kiện tiến hành ĐH</p> <p>Khoản 1: cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>điều 145 và 148 Luật DN 2020; khoản 1, điều 19, Thông tư 116/2020</p>
<p><u>Điều 20:</u> Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHCĐ</p> <p>Khoản 12. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p><u>Điều 20:</u></p> <p>Khoản 10 điều chỉnh thay thế khoản 12 điều lệ cũ: . ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <p>Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ Công ty quy định cụ thể hình thức điện tử) theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Bỏ nội dung này vì đã có quy định tại điều 22, điều lệ công ty.</p> <p>Bổ sung theo khoản 10, điều 20, Thông tư 116/2020</p>
<p><u>Điều 21:</u> Điều kiện thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nội dung:</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại</p>	<p><u>Điều 21:</u> Điều kiện thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nội dung:</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:</p>	<p>điều 21, Thông tư 116/2020</p>

cuộc họp ĐHQĐ:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

2. Bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của HĐQT liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện

~~a. Thông qua báo cáo tài chính năm;~~

~~b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;~~

~~e. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc.~~ Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

~~2. Bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.~~

~~2. 3. Các quyết định của HĐQT liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp HĐQT. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6~~

<p>được ủy quyền có mặt tại cuộc họp HĐQT.</p>	<p>Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p><u>Điều 22.</u> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ lấy ý kiến gửi ít nhất 15 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến - Nghị quyết được thông qua khi có đại diện ít nhất 51% tổng số CP có quyền biểu quyết chấp thuận. 	<p><u>Điều 22.</u> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ lấy ý kiến gửi ít nhất 15 ngày chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến - Nghị quyết được thông qua khi có đại diện ít nhất 51% tổng số CP có quyền nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. 	<p>khoản 2, điều 22, Thông tư 116/2020</p> <p>khoản 8, điều 22, Thông tư 116/2020</p>
<ul style="list-style-type: none"> - <u>Điều 23.</u> <p>Biên bản họp HĐQT Không quy định</p>	<p><u>Điều 23.</u> Biên bản họp HĐQT</p> <p>Khoản 1 quy định bổ sung: Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>Điểm i, khoản 1, điều 23, Thông tư 116/2020</p>
<p><u>Điều 25.</u> Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT</p> <p>Khoản 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên;và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p><u>Điều 25.</u> Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT</p> <p>Khoản 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên;và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Khoản 2, điều 25, Thông tư 116/2020</p>
<p><u>Điều 26.</u> Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không quy định. 	<p><u>Điều 26.</u> Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu HĐQT của công ty đại chúng phải đảm bảo tối 	<p>khoản 3, điều 26, Thông tư 116/2020 và điều 26,</p>

<p>- Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT.</p>	<p>thiếu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập.</p>	<p>điều lệ công ty.</p>
<p><u>Điều 30.</u> Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>- Thông báo mời họp gửi ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp</p>	<p><u>Điều 30.</u> Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>Thông báo mời họp gửi ít nhất năm (05) ngày chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp</p>	<p>khoản 6, điều 30, Thông tư 116/2020</p>
<p><u>Điều 33.</u> Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Quy định: Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm 05 năm.</p>	<p><u>Điều 33.</u> Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Không quy định nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm 05 năm. HĐQT của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>khoản 1, điều 32, Thông tư 116/2020</p>
<p><u>Điều 35.</u> Người điều hành Công ty</p> <p>Không quy định.</p>	<p><u>Điều 35.</u> Người điều hành Công ty</p> <p>Khoản 4 quy định bổ sung: Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên</p>	<p>khoản 4, điều 34, Thông tư 116/2020</p>
<p>Không quy định điều riêng về Trưởng Ban kiểm soát và quy định về trình độ chuyên môn ở các văn bản khác.</p>	<p><u>Điều 39.</u> Bổ sung điều 39 riêng về Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>Khoản 1 quy định: Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	<p>điều 38, Thông tư 116/2020</p>

Không quy định	<p>Điều 41. Bổ sung điều 41 riêng về cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	điều 40, Thông tư 116/2020
Không quy định điều riêng về: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.	<p>Điều 42. Bổ sung điều 42 riêng Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>Nội dung chi điều này không thay đổi so với điều lệ cũ.</p>	điều 41, Thông tư 116/2020

2/ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

- Một số nội dung Quy chế chưa thể hiện thì áp dụng Điều lệ và các văn bản quy định khác.
- Các nội dung đã điều chỉnh bổ sung trong Điều lệ thì Quy chế cũng điều chỉnh bổ sung theo. Thay đổi chính các Quy định theo Luật DN 2020, các quy định riêng của công ty vẫn giữ nguyên nội dung như Quy chế nội bộ đã ban hành ngày 26/6/2018.
- Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty điều chỉnh, bổ sung theo Quy chế- mẫu quy định kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

Quy chế cũ hiện hành	Quy chế mới điều chỉnh, bổ sung
Không quy định (thực hiện theo Điều lệ)	Điều 3: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Bổ sung thêm điều này
Không quy định	Điều 14: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc vừa hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Bổ sung thêm điều này
Không quy định (thực hiện theo Điều lệ)	Điều 18. Chủ tịch HĐQT- (điều 159 Luật DN và điều 29 điều lệ Cty)

	Bổ sung thêm điều này
Không quy định (thực hiện theo Điều lệ)	<u>Điều 31</u> : Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát Bổ sung thêm điều này
Không quy định (thực hiện theo Điều lệ)	<u>Điều 35</u> Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý khác. Bổ sung thêm điều này

3/ Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

- HĐQT và Ban Kiểm soát hoạt động theo quy định của Luật, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Cty và Quy định phân công công việc, chế độ và phương pháp làm việc.

- Trước đây không quy định ĐHCĐ phê duyệt 02 Quy chế này. Theo Luật Doanh nghiệp 59/2020 và các văn bản hướng dẫn thì Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS do ĐHCĐ phê duyệt.

- Nội dung Quy chế theo Điều lệ, Quy chế mẫu quy định kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ.

+ Quy chế hoạt động của HĐQT gồm 7 chương 23 điều. Quy chế quy định về phạm vi và đối tượng áp dụng; tiêu chuẩn, số lượng, quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT, ...; cuộc họp của HĐQT, lợi ích và công khai lợi ích của HĐQT; mối quan hệ của HĐQT với Ban điều hành, Ban Kiểm soát,

+ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát gồm 7 chương 22 điều. Nội dung Quy chế Ban Kiểm soát tương tự như Quy chế hoạt động của HĐQT.
